BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025, KHÓA 12
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 12/08/2024 - 12/10/2024)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 160 /TB-HVCSPT ngày 09 tháng 08 năm 2024 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số TC	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
				Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học
1	Chuyển đổi số-1-1-24(25)(01)	76	3			3,4,5	C503								
										1,2	C503				
2	Học máy và trí tuệ nhân tạo-1-1-24(25)(01)	70	3	8,9,10	P204-6F										
										1,2	P301-6F				
3	Phân tích dữ liệu lớn với R-1-1-24(25)(01)	70	3			1,2	P204-6F								
										3,4,5	P204-6F				
4	Luật đầu tư quốc tế-1-1-24(25)(01)	70	3	8,9,10	P205-6F										
						6,7	P205-6F								
5	Luật đầu tư quốc tế-1-1-24(25)(02)	70	3	6,7	P205-6F										
						8,9,10	P205-6F								
6	Pháp luật cạnh tranh-1-1-24(25)(01)	70	3					8,9,10	P205-6F						
												6,7	P205-6F		
7	Pháp luật cạnh tranh-1-1-24(25)(02)	70	3					6,7	P205-6F						
												8,9,10	P205-6F		
8	Đàm phán kinh tế quốc tế-1-1-24(25)(01)	80	3	1,2	C204										
										3,4,5	C502				
9	Kinh doanh quốc tế-1-1-24(25)(01)	70	3			1,2	P203-6F								
														3,4,5	P203-6F
10	Kinh doanh quốc tế-1-1-24(25)(02)	70	3			3,4,5	P203-6F								
														1,2	P203-6F
11	Quản trị dự án đầu tư nước ngoài-1-1-24(25)(01)	70	3			8,9,10	C203								
								6,7	P201-6F						
12	Quản trị dự án đầu tư nước ngoài-1-1-24(25)(02)	70	3			6,7	C203								
								8,9,10	P201-6F						
13	Quản trị Logistic kinh doanh-1-1-24(25)(01)	70	3							6,7	P202-6F				
														8,9,10	P203-6F
14	Quản trị Logistic kinh doanh-1-1-24(25)(02)	70	3							8,9,10	P202-6F				
														6,7	P203-6F
15	Vận tải quốc tế-1-1-24(25)(01)	70	2	1,2,3,4	P202-6F										
16	Vận tải quốc tế-1-1-24(25)(02)	70	2	6,7,8,9	P202-6F										
17	Quản lý danh mục đầu tư-1-1-24(25)(01)	80	3	8,9,10	C201										
										1,2	C201				
18	Quản lý danh mục đầu tư-1-1-24(25)(02)	80	3	6,7	C201										
										3,4,5	C201				
19	Quản lý dự án đầu tư-1-1-24(25)(01)	70	3	3,4,5	C201										
								1,2	P202-6F						

20	Quản lý dự án đầu tư-1-1-24(25)(02)	80	3	1,2	C201										
								3,4,5	C201						
21	Quản trị rủi ro-1-1-24(25)(01)	70	3	6,7	P201-6F										
										3,4,5	P201-6F				
22	Thẩm định dự án đầu tư-1-1-24(25)(01)	76	3			3,4,5	C303								
								6,7	C504						
23	Định giá tài sản-1-1-24(25)(01)	80	3	8,9,10	C208										
								6,7	C208						
24	Định giá tài sản-1-1-24(25)(03)	80	3	6,7	C404										
								8,9,10	C404						
25	Quản lý tài chính công-1-1-24(25)(01)	70	3			3,4,5	P201-6F								
														1,2	P201-6F
26	Quản lý tài chính công-1-1-24(25)(02)	70	3			1,2	P201-6F								
														3,4,5	P201-6F
27	Thẩm định tín dụng-1-1-24(25)(01)	50	3	3,4,5	C207										
								1,2	C205						
28	Thị trường chứng khoán-1-1-24(25)(01)	80	3	1,2	C208										
										3,4,5	C208				
29	Thuế-1-1-24(25)(01)	80	3	6,7	C308										
								3,4,5	C308						
30	Nghiên cứu thị trường-1-1-24(25)(01)	80	3			1,2	C203								
										3,4,5	C203				
31	Quản trị bán hàng-1-1-24(25)(01)	80	3	8,9,10	C203										
												6,7	C202		
32	Quản trị bán hàng-1-1-24(25)(02)	80	3	3,4,5	C203										
												1,2	C202		
33	Quản trị bán hàng-1-1-24(25)(03)	80	3	6,7	C203										
												3,4,5	C202		
34	Tâm lý học quản trị kinh doanh-1-1-24(25)(01)	70	3			3,4,5	P202-6F								
										1,2	C203				
35	Truyền thông Marketing tích hợp-1-1-24(25)(01)	80	3			8,9,10	C201								
												6,7	C201		
36	Truyền thông Marketing tích hợp-1-1-24(25)(02)	80	3			6,7	C201								
37												8,9,10	C201		
38	Đấu thầu tư vấn-1-1-24(25)(01)	70	2			6,7,8,9	P204-6F								
39	Địa lý Kinh tế-1-1-24(25)(02)	80	3					8,9,10	C304						
												1,2	C208		
40	Kế toán ngân hàng thương mại-1-1-24(25)(01)	70	3			8,9,10	P203-6F								
												1,2	P201-6F		
41	Kế toán ngân hàng thương mại-1-1-24(25)(02)	70	3			6,7	P203-6F								
												3,4,5	P201-6F		
42	Kế toán thực hành-1-1-24(25)(01)	50	3					1,2	C403 Tin học						
												8,9,10	C403 Tin học		
43	Kế toán thực hành-1-1-24(25)(02)	50	3					3,4,5	C403 Tin học						
												6,7	C403 Tin học		
44	Tiếng Anh trong kinh doanh-1-1-24(25)(01)	50	3			6,7	C409								
										1,2,3	C409				

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025, KHÓA 13
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 12/08/2024 - 12/10/2024)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 160 /TB-HVCSPT ngày 09 tháng 08 năm 2024 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số TC	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
				Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học
1	Cở sở của khoa học dữ liệu-1-1-24(25)(01)	70	3							3,4,5	P202-6F				
												6,7	P204-6F		
2	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh-1-1-24(25)(01)	80	3			3,4,5	C202								
								1,2	C202						
3	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh-1-1-24(25)(02)	80	3			6,7	C202								
								3,4,5	C202						
4	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh-1-1-24(25)(03)	80	3			8,9,10	C202								
								6,7	C202						
5	Nguyên lý thống kê kinh tế-1-1-24(25)01)	70	3	8,9,10	P201-6F										
								1,2	P201-6F						
6	Thanh toán điện tử-1-1-24(25)(01)	50	3	6,7	P204-6F										
								3,4,5	P202-6F						
7	Thiết kế website thương mại điện tử-1-1-24(25)(01)	70	3							1,2	P202-6F				
												8,9,10	P204-6F		
8	Thương mại điện tử-1-1-24(25)(02)	70	3	3,4,5	P204-6F										
								1,2	P204-6F						
9	Thương mại điện tử-1-1-24(25)01)	70	3	1,2	P204-6F										
								3,4,5	P204-6F						
10	Truyền thông đa phương tiện-1-1-24(24)(01)	70	2			6,7,8,9	P201-6F								
11	Công pháp quốc tế-1-1-24(25)(01)	70	3					6,7	P202-6F						
										3,4,5	P205-6F				
12	Công pháp quốc tế-1-1-24(25)(02)	70	3					8,9,10	P202-6F						
										1,2	P205-6F				
13	Kỹ năng soạn thảo văn bản-1-1-24(25)(01)	56	3	1,2	P303-6F										
								3,4,5	P205-6F						
14	Kỹ năng soạn thảo văn bản-1-1-24(25)(02)	56	3	3,4,5	P303-6F										
								1,2	P205-6F						
15	Luật Tố tụng dân sự-1-1-24(25)(01)	70	3	8,9,10	P303-6F										
												1,2	P303-6F		

16	Luật Tố tụng dân sự-1-1-24(25)(02)	70	3	6,7	P303-6F										
												3,4,5	P303-6F		
17	Đầu tư quốc tế-1-1-24(25)(01)	80	3	3,4,5	C301										
												6,7	C301		
18	Đầu tư quốc tế-1-1-24(25)(02)	80	3	6,7	C301										
												3,4,5	C301		
19	Đầu tư quốc tế-1-1-24(25)(03)	80	3	1,2	C301										
												8,9,10	C301		
20	Đầu tư quốc tế-1-1-24(25)(04)	90	3	8,9,10	C308										
						6,7	C308								
21	Kinh tế quốc tế-1-1-24(25)(01)	80	3			8,9,10	C502								
								6,7	C401						
22	Kinh tế đầu tư-1-1-24(24)(06)	80	3			3,4,5	C401								
								1,2	C401						
23	Kinh tế môi trường-1-1-24(24)(02)	80	3			1,2	C401								
								3,4,5	C401						
24	Kế toán ngân hàng-1-1-24(25)(01)	50	3			3,4,5	C405								
												6,7	C507		
25	Lý thuyết Tài chính tiền tệ-1-1-24(25)(01)	80	3	8,9,10	C202										
								6,7	C204						
26	Lý thuyết Tài chính tiền tệ-1-1-24(25)(02)	80	3	6,7	C202										
								8,9,10	C204						
27	Lý thuyết Tài chính tiền tệ-1-1-24(25)(05)	70	3	3,4,5	P201-6F										
						1,2	P303-6F								
28	Lý thuyết Tài chính tiền tệ-1-1-24(25)(06)	70	3	1,2	P201-6F										
						3,4,5	P303-6F								
29	Ngân hàng thương mại-1-1-24(25)(01)	90	3	3,4,5	C208										
										1,2	C208				
30	Phân tích báo cáo tài chính-1-1-24(25)(01)	90	3	1,2	C308										
										3,4,5	C308				
31	Tài chính doanh nghiệp-1-1-24(25)(01)	70	3					8,9,10	P301-6F						
										3,4	P301-6F				
32	Tài chính doanh nghiệp-1-1-24(25)(02)	70	3					8,9,10	P302-6F						
										3,4	P302-6F				
33	Tài chính quốc tế-1-1-24(25)(04)	70	3					1,2	P203-6F						
												3,4,5	P204-6F		
34	Quan hệ công chúng-1-1-24(24)(01)	80	3	1,2	C502										
								3,4,5	C502						
35	Quản trị chiến lược-1-1-24(24)(02)	80	3	3,4,5	C502										
								1,2	C502						
36	Quản trị chiến lược-1-1-24(25)(01)	80	3			3,4,5	C203								
								1,2	C203						

37	Quản trị nhân lực-1-1-24(25)(01)	80	3							1,2	C301				
												8,9,10	C602		
38	Quản trị nhân lực-1-1-24(25)(02)	80	3							3,4,5	C301				
												6,7	C602		
39	Hành chính công-1-1-24(25)(01)	70	2	1,2,3,4	P203-6F										
40	Hành chính công-1-1-24(25)(02)	70	2	6,7,8,9	P203-6F										
41	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP-1-1-24(25)(01)	80	3			6,7	C502								
										3,4,5	C204				
42	Đấu thầu mua sắm 1-1-1-24(25)(03)	76	3			8,9,10	P304-6F								
												1,2	P302-6F		
43	Đấu thầu mua sắm 2-1-1-24(25)(01)	70	3					8,9,10	P203-6F						
										1,2	P303-6F				
44	Đấu thầu qua mạng-1-1-24(25)(01)	70	3			3,4,5	C404								
												6,7	C404		
45	Đầu tư công-1-1-24(25)(01)	80	3			8,9,10	C204								
								1,2	C204						
46	Đầu tư công-1-1-24(25)(02)	80	3			6,7	C204								
								3,4,5	C204						
47	Kinh tế phát triển-1-1-24(25)(01)	80	3					8,9,10	C203						
												6,7	C203		
48	Kinh tế phát triển-1-1-24(25)(02)	80	3							1,2	C202				
												8,9,10	C203		
49	Kinh tế vi mô 2-1-1-24(25)(01)	80	3					6,7	C203						
										3,4,5	C202				
50	Phân tích chi phí lợi ích-1-1-24(25)(01)	80	3			3,4,5	C504								
								6,7	C404						
51	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-1-24(25)(DAUTHAU)	70	3					6,7	P203-6F						
												8,9,10	P201-6F		
52	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-1-24(25)(KTKT)	70	3					3,4,5	C203						
										1,2	P203-6F				
53	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-1-24(25)(KTPT+KHPT)	80	3					3,4,5	C504						
												1,2	C302		
54	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-1-24(25)(KTS)	76	3			1,2	P205-6F								
												3,4,5	P203-6F		
55	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-1-24(25)(QLC)	70	3							3,4,5	P203-6F				
														1,2	P205-6F
56	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-1-24(25)(QTDN)	63	3			8,9,10	C504								
												1,2	C301		
57	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-1-24(25)(TMQT)	76	3			1,2	P202-6F								
								3,4,5	P201-6F						
58	Kế toán quản trị-1-1-24(25)(01)	90	3			1,2	C208								
												8,9,10	C208		
59	Kế toán tài chính-1-1-24(25)(01)	80	3					6,7	C201						
												3,4,5	C201		
60	Kế toán tài chính-1-1-24(25)(02)	80	3					8,9,10	C201						
												1,2	C201		
61	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp-1-1-24(25)(01)	90	3			3,4,5	C208								
												6,7	C208		
62	Tiếng Anh chuyên ngành 3-1-1-24(25)(01)	30	3							6,7	C209				
												3,4,5	C507		
63	Tiếng Anh chuyên ngành 3-1-1-24(25)(02)	30	3							8,9,10	C205				
												1,2	C507		
64	Tiếng Anh chuyên ngành 3-1-1-24(25)(03)	30	3	1,2	C205										
										3,4,5	C207				
65	Thực hành biên dịch 1-1-1-24(25)(01)	30	3					6,7	C207						
														8,9,10	C205
66	Thực hành biên dịch 1-1-1-24(25)(02)	30	3					8,9,10	C207						
														6,7	C205
67	Thực hành biên dịch 1-1-1-24(25)(03)	30	3	3,4,5	C305										
										1,2	C207				
68	Tiếng Việt thực hành-1-1-24(25)(01)	30	2	1,2,3,4	C209										
69	Tiếng Việt thực hành-1-1-24(25)(02)	30	2	6,7,8,9	C205										
70	Tiếng Việt thực hành-1-1-24(25)(03)	30	2					1,2,3,4	C207						

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025, KHÓA 14
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 12/08/2024 - 12/10/2024)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 160 /TB-HVCSPT ngày 09 tháng 08 năm 2024 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số TC	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
				Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học
1	Kinh tế lượng-1-1-24(25)(01)	80	3	6,7	C208										
								8,9,10	C208						
2	Lập trình căn bản-1-1-24(25)(01)	70	3			8,9,10	P202-6F								
												1,2	P202-6F		
3	Lập trình căn bản-1-1-24(25)(02)	70	3			6,7	P202-6F								
												3,4,5	P202-6F		
4	Toán cao cấp-1-1-24(25)(01)	80	3			8,9,10	C301								
										1,2	C302				
5	Logic học đại cương-1-1-24(25)(01)	48	3	1,2	C305										
						3,4,5	C305								
6	Luật Dân sự-1-1-24(25)(01)	50	4			1,2,3,4	C309								
												1,2,3,4	C405		
7	Luật Dân sự-1-1-24(25)(02)	50	4			6,7,8,9	P305-6F								
												6,7,8,9	C405		
8	Kinh tế đầu tư-1-1-24(25)(01)	70	3			3,4,5	C201								
										1,2	C402				
9	Kinh tế đầu tư-1-1-24(25)(02)	70	3	6,7	C408										
								3,4,5	C303						
10	Kinh tế đầu tư-1-1-24(25)(03)	70	3	3,4,5	C204										
								6,7	C301						
11	Kinh tế đầu tư-1-1-24(25)(04)	70	3					1,2	C201						
										3,4,5	C302				
12	Kinh tế môi trường-1-1-24(25)(01)	80	3			6,7	C504								
										3,4,5	C402				
13	Marketing căn bản-1-1-24(25)(01)	70	3					1,2	C301						
												3,4,5	C302		
14	Marketing căn bản-1-1-24(25)(02)	70	3	3,4	P304-6F										
								3,4,5	C304						
15	Marketing căn bản-1-1-24(25)(03)	70	3	1,2	C203										
								8,9,10	C301						

16	Marketing căn bản-1-1-24(25)(04)	70	3			1,2	C202								
								8,9,10	C303						
17	Phát triển kỹ năng-1-1-24(25)(01)	70	3					3,4,5	C301						
												6,7	C303		
18	Phát triển kỹ năng-1-1-24(25)(02)	70	3			3,4,5	C301								
												1,2	C303		
19	Phát triển kỹ năng-1-1-24(25)(03)	70	3			1,2	C301								
												3,4,5	C303		
20	Quản trị học-1-1-24(24)(04)	80	3			1,2	C502								
												3,4,5	C502		
21	Quản trị học-1-1-24(24)(05)	80	3			3,4,5	C502								
												1,2	C502		
22	Quản trị học-1-1-24(25)(01)	80	3			3,4,5	C302								
								6,7	C303						
23	Quản trị học-1-1-24(25)(02)	80	3			6,7	C301								
										3,4,5	C504				
24	Quản trị học-1-1-24(25)(03)	80	3			6,7	C302								
										3,4,5	C503				
25	Chính sách công-1-1-24(24)(06)	80	3	1,2	C503										
								3,4,5	C503						
26	Chính sách công-1-1-24(24)(07)	80	3	3,4,5	C503										
								1,2	C503						
27	Chính sách công-1-1-24(25)(01)	75	3	3,4,5	C202										
								6,7	C402						
28	Chính sách công-1-1-24(25)(02)	70	3			1,2	C201								
								3,4,5	C402						
29	Chính sách công-1-1-24(25)(03)	70	3			3,4,5	C204								
								1,2	C402						
30	Chính sách công-1-1-24(25)(04)	70	3			1,2	C308								
												3,4,5	C208		
31	Chính sách công-1-1-24(25)(05)	75	3							1,2	C502				
												3,4,5	P302-6F		
32	Đấu thầu mua sắm 1-1-1-24(25)(01)	70	3					6,7	C408						
												3,4,5	C203		
33	Đấu thầu mua sắm 1-1-1-24(25)(02)	70	3			3,4,5	P205-6F								
												6,7	C204		
34	Địa lý Kinh tế-1-1-24(25)(01)	80	3					6,7	C304						
												3,4,5	C204		
35	Kinh tế vĩ mô 1-1-1-24(25)(01)	80	3	8,9,10	C302										
								6,7	C302						
36	Kinh tế vĩ mô 1-1-1-24(25)(02)	80	3	6,7	C302										
								8,9,10	C302						
37	Kinh tế vĩ mô 2-1-1-24(25)(01)	70	3					1,2	C302						
														8,9,10	C203
38	Kinh tế vĩ mô 2-1-1-24(25)(02)	70	3					3,4,5	C302						
														6,7	C203
34	Giáo dục thể chất 2-1-1-24(25)(01)	80	2			1,2,3,4	San 5								
33	Giáo dục thể chất 3-1-1-24(25)(01)	80	2			6,7,8,9	San 6								
34	Giáo dục thể chất 3-1-1-24(25)(02)	80	2									1,2,3,4	San 6		
35	Giáo dục thể chất 3-1-1-24(25)(03)	80	2			6,7,8,9	San 5								
36	Giáo dục thể chất 3-1-1-24(25)(04)	80	2					1,2,3,4	San 5						
37	Giáo dục thể chất 3-1-1-24(25)(05)	80	2					6,7,8,9	San 5						
38	Giáo dục thể chất 3-1-1-24(25)(06)	80	2	1,2,3,4	San 6										
39	Giáo dục thể chất 3-1-1-24(25)(07)	80	2									6,7,8,9	San 5		

40	Giáo dục thể chất 3-1-1-24(25)(08)	80	2									1,2,3,4	San 5		
41	Giáo dục thể chất 3-1-1-24(25)(09)	80	2									6,7,8,9	San 6		
42	Giáo dục thể chất 3-1-1-24(25)(10)	80	2							1,2,3,4	San 6				
43	Giáo dục thể chất 3-1-1-24(25)(11)	80	2	6,7,8,9	San 6										
44	Giáo dục thể chất 3-1-1-24(25)(12)	80	2			1,2,3,4	San 6								
45	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-24(25)(01)	80	2	1,2,3,4	C402										
46	Chủ nghĩa xã hội khoa học-1-1-24(25)(02)	80	2	6,7,8,9	C402										
47	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-24(24)(11)	80	2					6,7,8,9	C502						
48	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-24(25)(03)	75	2	6,7,8,9	C304										
49	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-24(25)(04)	80	2	1,2,3,4	C304										
50	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-24(25)(05)	75	2			1,2,3,4	C304								
51	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-24(25)(06)	75	2	1,2,3,4	C302										
52	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-24(25)(07)	75	2			6,7,8,9	C304								
53	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-24(25)(08)	75	2									1,2,3,4	C308		
54	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-24(25)(09)	75	2	6,7,8,9	C204										
55	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-24(25)(10)	75	2									6,7,8,9	C304		
56	Nguyên lý kế toán-1-1-24(24)(07)	80	3	6,7	C503										
										3,4,5	C501				
57	Nguyên lý kế toán-1-1-24(24)(08)	80	3	8,9,10	C503										
										1,2	C501				
58	Nguyên lý kế toán-1-1-24(25)(03)	80	3	6,7	C303										
						8,9,10	C303								
59	Nguyên lý kế toán-1-1-24(25)(04)	80	3	8,9,10	C303										
						6,7	C303								
60	Nguyên lý kế toán-1-1-24(25)(05)	80	3	3,4,5	C303										
										1,2	C303				
61	Nguyên lý kế toán-1-1-24(25)(06)	80	3	1,2	C303										
										3,4,5	C303				
62	Tiếng Anh cơ bản 4-1-1-24(25)(01)	50	3			6,7	C405								
										8,9,10	C307				
63	Tiếng Anh cơ bản 4-1-1-24(25)(02)	50	3			8,9,10	C405								
										6,7	C205				

64	Tiếng Anh cơ bản 4-1-1-24(25)(03)	50	3			1,2	C307								
										3,4,5	C307				
65	Tiếng Anh cơ bản 4-1-1-24(25)(04)	50	3			3,4,5	C307								
										1,2	C307				
66	Tiếng Anh cơ bản 4-1-1-24(25)(05)	50	3	3,4,5	C309										
										6,7	C207				
67	Tiếng Anh cơ bản 4-1-1-24(25)(06)	50	3	1,2	C309										
										8,9,10	C305				
68	Tiếng Anh cơ bản 4-1-1-24(25)(07)	50	3					1,2	C409						
												3,4,5	C307		
69	Tiếng Anh cơ bản 4-1-1-24(25)(08)	50	3					3,4,5	C409						
												1,2	C307		
70	Tiếng Anh cơ bản 4-1-1-24(25)(09)	50	3					6,7	C409						
												8,9,10	C307		
71	Tiếng Anh cơ bản 4-1-1-24(25)(10)	50	3					8,9,10	C409						
												6,7	C307		
72	Tiếng Anh chuyên ngành 1-1-1-24(25)(01)	30	3	1,2	C207										
												3,4,5	C309		
73	Tiếng Anh chuyên ngành 1-1-1-24(25)(02)	30	3	3,4,5	C205										
												1,2	C309		
74	Tiếng Anh chuyên ngành 1-1-1-24(25)(03)	30	3			6,7	C205								
										3,4,5	C209				

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025, KHÓA 12 CHẤT LƯỢNG CAO
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 12/08/2024 - 12/10/2024)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 160 /TB-HVCSPT ngày 09 tháng 08 năm 2024 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số TC	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
				Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học
1	Định giá tài sản-1-1-24(25)(EN_CLC_02)	30	3	6,7,8	P302-6F										
								6,7	P302-6F						
2	Logistic và vận tải quốc tế-1-1-24(25)(EN_CLC_01)	50	3			8,9,10	P302-6F								
												6,7	P203-6F		
3	Logistic và vận tải quốc tế-1-1-24(25)(EN_CLC_02)	50	3			6,7	P304-6F								
										8,9,10	P204-6F				
4	Tài chính quốc tế-1-1-24(25)(EN_CLC_01)	40	3	8,9,10	P304-6F										
						9,10	P303-6F								
5	Tài chính quốc tế-1-1-24(25)(EN_CLC_02)	40	3							4,5	P305-6F				
												3,4,5	P304-6F		
6	Tài chính quốc tế-1-1-24(25)(EN_CLC_03)	40	3			1,2,3	P305-6F								
										1,2	P302-6F				
7	Thuế và hệ thống thuế-1-1-24(25)(EN_CLC_01)	40	3	1,2	P302-6F										
														3,4,5	P204-6F
8	Thuế và hệ thống thuế-1-1-24(25)(EN_CLC_02)	40	3	3,4,5	P302-6F										
														1,2	P204-6F
9	Thuế và hệ thống thuế-1-1-24(25)(EN_CLC_03)	40	3	8,9	C207										
								8,9,10	C205						

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025, KHÓA 13 CHẤT LƯỢNG CAO
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 12/08/2024 - 12/10/2024)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 160 /TB-HVCSPT ngày 09 tháng 08 năm 2024 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số TC	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
				Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học
1	Lý thuyết Tài chính tiền tệ-1-1-24(25)(EN_CLC_01)	50	3	6,7,8	P305-6F										
								6,7	P304-6F						
2	Lý thuyết Tài chính tiền tệ-1-1-24(25)(EN_CLC_02)	50	3					8,9,10	P304-6F						
												9,10	P203-6F		
3	Marketing quốc tế-1-1-24(25)(EN_CLC_01)	45	3	3,4,5	P205-6F										
										4,5	P304-6F				
4	Marketing quốc tế-1-1-24(25)(EN_CLC_02)	45	3	1,2	P205-6F										
										1,2,3	P304-6F				
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-1-24(25)(VN_CLC_01)	50	3			1,2	P302-6F								
												3,4,5	P205-6F		
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-1-24(25)(VN_CLC_02)	50	3			3,4,5	P302-6F								
												1,2	P205-6F		

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025, KHÓA 14 CHẤT LƯỢNG CAO
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 12/08/2024 - 12/10/2024)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 160 /TB-HVCSPT ngày 09 tháng 08 năm 2024 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số TC	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
				Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học
1	Nguyên lý kế toán-1-1-24(25)(EN_CLC_01)	50	3	3,4,5	P301-6F										
								4,5	P203-6F						
2	Nguyên lý kế toán-1-1-24(25)(EN_CLC_02)	50	3			6,7,8	P303-6F								
										4,5	P303-6F				
3	Giáo dục thể chất 3-1-1-24(25)(VN_CLC_01)	50	2	1,2,3,4	San 1										
4	Giáo dục thể chất 3-1-1-24(25)(VN_CLC_02)	50	2	6,7,8,9	San 1										
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-24(25)(VN_CLC_01)	50	2					1,2,3,4	P303-6F						
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-1-24(25)(VN_CLC_02)	50	2					6,7,8,9	P303-6F						
7	Tiếng Anh IELTS 1.4-1-1-24(25)(EN_CLC_A1)	23	6			1,2,3,4	C207								
										4,5	C205				
												1,2,3,4	C205		
8	Tiếng Anh IELTS 1.4-1-1-24(25)(EN_CLC_A2)	23	6			1,2,3,4	C209								
										1,2	C205				
												1,2,3,4	C209		
9	Tiếng Anh IELTS 1.4-1-1-24(25)(EN_CLC_A3)	23	6			1,2,3,4	C205								
								6,7	C205						
												1,2,3,4	C207		
10	Pre IELTS 1.4-1-1-24(25)(EN_CLC_01)	30	4	11	C410										